

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYỂN TIẾP LÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 869/QĐ-ĐHCT ngày 30 tháng 3 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)*

Ngành học: **Quản trị kinh doanh** (Business Administration)

Mã ngành: 7340101

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế nhằm trang bị cho những nhà quản trị tương lai một nền tảng kiến thức vững chắc để có thể điều hành/quản trị các doanh nghiệp. Sinh viên sẽ có được những kỹ năng cần thiết trong việc tích hợp kiến thức nền tảng về quản trị, marketing, kế toán và tài chính để hình thành nên các chiến lược khả thi giúp cho các công ty/doanh nghiệp dễ dàng đạt được những mục tiêu hoạt động trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Các mục tiêu cụ thể:

- a. Bản lĩnh chính trị vững vàng, hiểu biết các chuẩn mực đạo đức kinh doanh; có trách nhiệm đối với xã hội.
- b. Thể lực và tinh thần mạnh mẽ để hoạt động tốt trong môi trường làm việc áp lực.
- c. Hiểu biết và có khả năng vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào việc giải quyết các vấn đề trong quản trị kinh doanh với tư duy chiến lược và sáng tạo.
- d. Hình thành và phát triển những kỹ năng lãnh đạo, quản trị và điều hành các công ty/doanh nghiệp.
- e. Phát triển được kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành, và có khả năng thích ứng cao với môi trường làm việc liên tục thay đổi.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- c. Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- d. Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Có kiến thức cơ bản về các nguyên lý kinh tế được vận dụng trong việc phân tích và giải thích các vấn đề kinh tế tầm vĩ mô và vi mô.
- b. Có kiến thức cơ bản về kế toán, tài chính - tiền tệ, tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng để nghiên cứu các môn chuyên ngành quản trị kinh doanh.
- c. Có kiến thức cơ bản về quản trị và điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.
- d. Có kiến thức về cách sử dụng các công cụ thích hợp dùng để phục vụ cho nhà quản trị trong việc ra quyết định kinh doanh thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

2.1.3 Khỏi kiến thức chuyên ngành

- a. Có kiến thức về việc phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng các mục tiêu kinh doanh, và hoạch định, triển khai và kiểm soát quá trình thực thi chiến lược kinh doanh.
- b. Có kiến thức về môi trường kinh doanh quốc tế và các xu hướng phát triển chủ đạo.
- c. Có kiến thức về công tác tuyển chọn, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực của doanh nghiệp.
- d. Có kiến thức về lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch tiêu thụ, kế hoạch nghiên cứu và phát triển sản phẩm.
- e. Có kiến thức về tâm lý quản lý và nghệ thuật lãnh đạo.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

- a. Có kỹ năng kỹ thuật: hiểu biết về lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ.
- b. Có kỹ năng nhân sự: điều khiển cấp dưới, động viên, khích lệ nhân viên.
- c. Có kỹ năng xử lý thông tin và năng lực tư duy: phân tích vấn đề và ra quyết định, tư duy hệ thống, phát triển và sáng tạo các phương pháp giải quyết vấn đề mới cho chính mình và doanh nghiệp, và xử lý thông tin.
- d. Có kỹ năng về truyền thông: gửi và nhận thông tin rõ ràng, chính xác, đầy đủ và hiệu quả.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- a. Kỹ năng làm việc nhóm: xây dựng, lãnh đạo, tổ chức hoạt động và phát triển nhóm;
- b. Kỹ năng giao tiếp: hình thành chiến lược giao tiếp, tổ chức giao tiếp, sử dụng các phương tiện giao tiếp hiệu quả, và biết phương pháp thuyết trình và thu hút trong giao tiếp.
- c. Kỹ năng tư duy hệ thống: lập luận vấn đề logic, có hệ thống, hiểu vấn đề ở phạm vi toàn cục, biết sự tương tác giữa các vấn đề và sắp xếp được các vấn đề theo thứ tự ưu tiên cần giải quyết/xử lý.
- d. Tố chất và kỹ năng cá nhân: suy xét, tư duy sáng tạo; nghiên cứu, khám phá kiến thức và kỹ năng mới; đề xuất sáng kiến và sẵn sàng chấp nhận rủi ro; có tính kiên trì và linh hoạt trong công việc; nhận biết kiến thức, kỹ năng và thái độ của người khác; tự học, học suốt đời và làm việc độc lập; làm việc có kế hoạch, phân bổ công việc hợp lý, biết cách quản lý thời gian, và có kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mình.
- e. Kỹ năng ngoại ngữ và tin học: giao tiếp bằng tiếng Anh, đọc hiểu được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh; sử dụng thành thạo tin học văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và một số phần mềm xử lý dữ liệu thống kê; sử dụng thành thạo internet trong giao tiếp và thu thập thông tin.

2.3 Thái độ

- a. Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật và tác phong làm việc chuyên nghiệp.
- b. Có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên/Trưởng, Phó phòng chức năng trong các công ty/doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.
- Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.

- Nghiên cứu viên, giảng viên ngành quản trị kinh doanh tại các viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.
- Trợ lý/thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên trong các công ty/doanh nghiệp.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học độc lập, tiếp tục học tập nâng cao trình độ sau đại học ngành Quản trị kinh doanh và các ngành kinh tế khác tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Chuẩn đầu ra (cấp III) Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh, The American University of Rome.
- Chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế TP. HCM.
- Các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO.

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết
Khối kiến thức Giáo dục đại cương								
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60		
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45		
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45		FL004	
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4		60		FL005	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15		
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60	
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30		
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010
23	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006
24	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30		
25	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45		
26	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45		
27	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30		
28	ML007	Logic học đại cương	2		2	30		
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30		
30	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30		
31	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30		
32	XH028	Xã hội học đại cương	2			30		
33	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20	
Cộng: 46 TC (Bắt buộc 31 TC; Tự chọn: 15 TC)								
Khối kiến thức cơ sở ngành								
34	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45		
35	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45		
36	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		TN010
37	KT120	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	2		30		KT108

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết
38	KL369	Luật kinh tế	2	2		30		
39	KT103	Quản trị học	3	3		45		
40	KT104	Marketing căn bản	3	3		45		
41	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45		
42	KT111	Tài chính - Tiền tệ	3	3		45		
43	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30		
44	KT339	Kế toán quản trị 1	3	3		45		KT106
45	KT203	Ứng dụng toán trong kinh doanh	2	2		30		KT111
46	KT113	Kinh tế lượng	3		3	45		KT108
47	KT121	Phân tích định tính trong kinh doanh	3			45		
48	KT303	Kinh tế quốc tế	3		3	45		KT102
49	KT341	Kế toán tài chính 1	3			45		KT106
50	KT118	Kinh tế học hành vi	3			45		KT101
Cộng: 38 TC (Bắt buộc 32 TC; Tự chọn: 6 TC)								
Khối kiến thức chuyên ngành								
51	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3	3		45		KT105
52	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	2		30		
53	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3	3		45		KT103, KT104, KT308
54	KT425	Anh văn thương mại 1	3	3		45		
55	KT308	Quản trị tài chính	3	3		45		KT111
56	KT360	Quản trị sản xuất	3	3		45		
57	KT201	Quản trị dự án	2	2		30		
58	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2	2		30		
59	KT324	Quản trị Marketing	3	3		45		KT104
60	KT122	Kiến tập ngành Quản trị kinh doanh	2	2			60	KT204
61	KT204	Quản trị nguồn nhân lực	3	3		45		KT103
62	KT346	Quản trị chiến lược	3	3		45		KT103
63	KT431	Hành vi tổ chức	2	2		30		KT103
64	KT443	Chuyên đề Quản trị kinh doanh	2				60	KT120
65	CN204	Quản lý kỹ thuật và công nghệ	2			20	20	
66	KT230	Quản trị chuỗi cung ứng	2			30		
67	KT404	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2			30		KT106
68	KT208	Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp	2			30		
69	KT210	Tâm lý quản lý	2			30		
70	KT337	Thương mại điện tử	2			30		
71	KT358	Quản trị quan hệ khách hàng	2			30		
72	KT250	Kiểm toán hoạt động	3			45		KT106
73	KT363	Quản trị văn phòng	2		12	30		
74	KT123	Quản trị sự thay đổi	2			30		KT103
75	KT321	Nghiên cứu Marketing	3			45		KT104
76	KT316	Kinh doanh quốc tế	3			45		
77	KT329	Thị trường chứng khoán	3			45		KT111
78	KT330	Thuế	3			45		KT101
79	KT336	Nghiệp vụ ngoại thương	3			45		
80	KT361	Quản trị thương hiệu	3			45		KT104
81	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			45		KT106
82	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3			45		
83	KT399	Luận văn tốt nghiệp - QTKD	10				300	≥ 105 TC
84	KT291	Tiểu luận tốt nghiệp - QTKD	4				120	≥ 105 TC
85	KT420	Dự báo kinh tế	3		10	45		≥ 105 TC
86	KT286	Quản trị rủi ro kinh doanh	3			45		≥ 105 TC
87	KT287	Quản trị liên văn hóa	2			30		≥ 105 TC
88	KT288	Seminar Quản trị kinh doanh	2			30		≥ 105 TC
Cộng: 56 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 24 TC)								
Tổng cộng: 140 TC (Bắt buộc: 93 TC; Tự chọn: 47 TC)								

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

7. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo chuyển tiếp gồm có 2 giai đoạn.

7.1 Giai đoạn 1

7.1.1 Tổ chức đào tạo: Đào tạo tập trung tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Vĩnh Long.

7.1.2 Thời gian đào tạo: 1 năm.

7.1.3 Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết
		<i>Học kỳ 1 (12 đến 13 TC)</i>						
1	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30		
2	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4-3	60		
	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45		
3	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30		
4	XH028	Xã hội học đại cương	2		2	30		
5	TN033	Tin học căn bản	1	1		15		
6	TN034	T.T. Tin học căn bản	2	2			60	
		<i>Học kỳ 2 (14 TC)</i>						
7	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009
8	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023
	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004
9	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45		
10	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45		
11	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30		

Ghi chú: Sinh viên chọn tích lũy học phần Anh văn căn bản 1 (XH023) hoặc học phần Pháp văn căn bản 1 (XH004)

7.1.4 Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của giai đoạn 1

Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện được thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về công tác học vụ của Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT).

Kết thúc thời gian đào tạo giai đoạn 1, sinh viên được cấp bằng kết quả học tập giai đoạn 1 bao gồm: kết quả học tập học phần, điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy các học phần thuộc CTĐT giai đoạn 1 (theo thang điểm 10 và thang điểm 4) và điểm rèn luyện.

7.2 Giai đoạn 2

7.2.1 Điều kiện chuyển tiếp giai đoạn 2

Điều kiện về kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khi kết thúc giai đoạn 1 để được xem xét chuyển tiếp vào giai đoạn 2 như sau:

- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo (CTĐT) giai đoạn 1 đúng thời gian quy định và có điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 điểm trở lên (theo thang điểm 4) thì đủ điều kiện về học tập để được tiếp tục theo học giai đoạn 2 CTĐT chuyển tiếp trình độ đại học theo hình thức giáo dục chính quy tại Trường ĐHCT.
- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo giai đoạn 1 đúng thời gian quy định và có điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 điểm trở lên (theo thang điểm 4) thì đủ điều kiện về học tập để được tiếp tục theo học giai đoạn 2 của CTĐT chuyển tiếp trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của Trường ĐHCT.
- Sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy dưới 2,0 điểm (theo thang điểm 4) thì được tiếp tục theo học CTĐT cao đẳng tại Trường Cao đẳng Cộng đồng (CĐCĐ) Vĩnh Long.
- Sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và không bị xếp loại rèn luyện năm học yếu, kém.

7.2.2 Tổ chức đào tạo

- Đại học hệ chính quy: đào tạo tập trung tại Trường ĐHCT theo quy định đào tạo đối với hình thức giáo dục chính quy của Trường ĐHCT.
- Đại học hệ vừa làm vừa học và đào tạo từ xa: đào tạo tại Trường CĐCD Vĩnh Long theo quy định đào tạo đối với hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của Trường ĐHCT.

7.2.3 Thời gian đào tạo: 3 năm (thời gian tối đa để hoàn thành CTĐT chuyển tiếp là 7 năm).

7.2.4 Chương trình đào tạo: Các học phần chưa tích lũy thuộc CTĐT chuyển tiếp.

7.1.5 Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của giai đoạn 2

Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện được thực hiện theo Quy định về công tác học vụ của Trường ĐHCT.

Hoàn thành CTĐT giai đoạn 2 theo đúng quy định đào tạo đại học của Trường ĐHCT, sinh viên được cấp bằng kết quả học tập toàn khóa học.

7.1.6 Văn bằng tốt nghiệp

Hoàn thành CTĐT giai đoạn 2 theo đúng quy định đào tạo đại học của Trường ĐHCT, sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp đại học phù hợp với hình thức đào tạo:

- Đào tạo hệ chính quy: Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy.
- Đào tạo hệ vừa làm vừa học: Bằng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học.
- Đào tạo từ xa: Bằng tốt nghiệp đại học đào tạo từ xa.

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

HỘI ĐỒNG KH VÀ ĐT
CHỦ TỊCH

Lê Việt Dũng

KHOA KINH TẾ
TRƯỞNG KHOA

Võ Thành Danh